

Số: 5651/QĐ-NHCS

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục giải quyết công việc thay thế; thủ tục giải quyết công việc được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng, Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc các Ban: Pháp chế, Tín dụng người nghèo, Tín dụng học sinh sinh viên và các đối tượng chính sách khác, Quản lý và xử lý nợ rủi ro,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục giải quyết công việc thay thế; thủ tục giải quyết công việc được sửa đổi, bổ sung; thủ tục giải quyết công việc bị hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội, cụ thể như sau:

1. Công bố kèm theo Quyết định này 11 thủ tục giải quyết công việc (TTGQCV) thay thế 11 TTGQCV đã được ban hành (*danh mục thủ tục được công bố tại Mục I Phần A và nội dung cụ thể của từng thủ tục được công bố tại mục I Phần B ban hành kèm theo Quyết định này*).

2. Sửa đổi, bổ sung 49 thủ tục giải quyết công việc (*theo danh mục thủ tục tại Mục II Phần A kèm theo Quyết định này; Nội dung mẫu đơn, tờ khai cụ thể của 49 thủ tục giải quyết công việc được sửa đổi, bổ sung tại mục II Phần B ban hành kèm theo Quyết định này*) với các nội dung cụ thể như sau:

a) Bổ sung Bước 1 Điểm a Trình tự thực hiện:

“Các thành viên hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*) cho 01 trong số các thành viên là đại diện đứng tên người vay và thực

hiện các giao dịch với NHCSXH trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Giấy ủy quyền được nộp cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn)”.

b) Sửa đổi, bổ sung Điểm c Thành phần hồ sơ:

“- Bổ sung: Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- Thay thế: Sổ vay vốn (theo mẫu mới ban hành kèm theo quyết định công bố thủ tục giải quyết công việc này)”.

c) Bổ sung Cơ quan phối hợp tại Điểm g: “Trưởng thôn”.

d) Sửa đổi, bổ sung Điểm k Mẫu đơn, tờ khai:

“- Bổ sung: Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- Thay thế: Sổ vay vốn (theo mẫu mới ban hành kèm theo quyết định công bố thủ tục giải quyết công việc này)”.

e) Bổ sung Điểm m Căn cứ pháp lý của thủ tục:

“- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017”.

3. Hủy bỏ 11 thủ tục giải quyết công việc theo danh mục thủ tục giải quyết công việc bị thay thế tại Mục III Phần A kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017. Các nội dung khác của 49 thủ tục giải quyết công việc nêu tại khoản 2 Điều 1 không được sửa đổi, bổ sung tại quyết định này vẫn có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Giám đốc: Ban Pháp chế, Ban Tín dụng người nghèo, Ban Tín dụng học sinh sinh viên và các đối tượng chính sách khác, Ban Quản lý và xử lý nợ rủi ro, các Ban chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở chính; Giám đốc: Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin, Sở giao dịch, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Tổng Giám đốc (báo cáo);
- Trưởng BKS; các Phó TGD, KTT;
- Đăng trên Website NHCSXH (Ban PC);
- TTCNTT: truyền Fastnet cho CN tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TDNN, QLNN, HSSV, PC.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Hải

THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC
THUỘC THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5651 /QĐ-NHCS ngày 28 /12/2016
của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)

Phần A
DANH MỤC THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

I. Danh mục các thủ tục giải quyết công việc thay thế

TT	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục thay đổi người đại diện theo ủy quyền của hộ gia đình vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội	Hoạt động khác	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)
2	Thủ tục giải ngân các chương trình tín dụng bằng tiền mặt	Hoạt động tín dụng	Như trên
3	Thủ tục phê duyệt cho vay lưu vụ đối với hộ nghèo	Như trên	Như trên
4	Thủ tục phê duyệt cho gia hạn nợ thông thường đối với người vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội	Như trên	Như trên
5	Thủ tục phê duyệt gia hạn nợ thông thường đối với người vay là tổ viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn (không bao gồm người vay vốn để thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở).	Như trên	Như trên
6	Thủ tục phê duyệt cho vay lưu vụ đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn mức cho vay đến 50 triệu đồng	Như trên	Như trên
7	Thủ tục phê duyệt cho vay lưu vụ đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn mức cho vay trên 50 triệu	Như trên	Như trên

8	Thủ tục giải ngân cho vay chương trình tín dụng học sinh sinh viên qua thẻ ATM	Như trên	Như trên
9	Thủ tục xử lý gia hạn nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình	Hoạt động khác	Như trên
10	Thủ tục xử lý khoanh nợ bị rủi ro tối đa 3 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình	Như trên	Như trên
11	Thủ tục xử lý khoanh nợ bị rủi ro tối đa 5 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình	Như trên	Như trên

II. Danh mục các thủ tục giải quyết công việc sửa đổi, bổ sung

TT	Số hồ sơ TTGQCV	Tên thủ tục	Tên văn bản quy định việc chỉnh sửa TTGQCV	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	B-NCS-283201-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với hộ nghèo.	5560/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016	Hoạt động tín dụng	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)
2	B-NCS-283202-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với hộ cận nghèo.	Như trên	Như trên	Như trên
3	B-NCS-283203-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với hộ mới thoát nghèo.	Như trên	Như trên	Như trên
4	B-NCS-283204-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay vốn đối với hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo.	Như trên	Như trên	Như trên
5	B-NCS-283206-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động.	Như trên	Như trên	Như trên
6	B-NCS-283207-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay để ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc (Chương trình EPS).	Như trên	Như trên	Như trên
7	B-NCS-283208-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung.	Như trên	Như trên	Như trên
8	B-NCS-283209-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn đoạn 2012-2015 (theo Quyết định số 54/QĐ-TTg)	Như trên	Như trên	Như trên
9	B-NCS-283210-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay vốn để chi phí tạo đất sản xuất và chuyển đổi nghề cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013-2015 (theo Quyết định số 755/QĐ-TTg).	Như trên	Như trên	Như trên
10	B-NCS-283211-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay vốn để chi phí đi xuất khẩu lao động cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013-2015 (theo Quyết định số 755/QĐ-TTg).	Như trên	Như trên	Như trên

11	B-NCS-283212-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay hỗ trợ để chi phí đi xuất khẩu lao động cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015.	Như trên	Như trên	Như trên
12	B-NCS-283213-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay hỗ trợ để phát triển sản xuất, kinh doanh và hỗ trợ để chuộc lại đất sản xuất đã chuyển nhượng, thế chấp cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015.	Như trên	Như trên	Như trên
13	B-NCS-283214-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay hỗ trợ để chi phí đi học nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015.	Như trên	Như trên	Như trên
14	B-NCS-283328-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng để trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP	Như trên	Như trên	Như trên
15	B-NCS-283329-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng để trồng rừng sản xuất theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP	Như trên	Như trên	Như trên
16	B-NCS-283334-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011- 2015 theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Như trên	Như trên	Như trên
17	B-NCS - 283339-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với hộ gia đình tại huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài.	Như trên	Như trên	Như trên
18	B-NCS-283355-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với hộ gia đình thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài	Như trên	Như trên	Như trên
19	B-NCS-283356-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với hộ gia đình thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài	Như trên	Như trên	Như trên
20	B-NCS-283359-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với hộ gia đình vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP	Như trên	Như trên	Như trên
21	B-NCS-283360-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với hộ gia đình	Như trên	Như trên	Như trên

		vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP			
22	B-NCS-283363-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với hộ gia đình bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg đi làm việc ở nước ngoài	Như trên	Như trên	Như trên
23	B-NCS-283364-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với hộ gia đình bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg đi làm việc ở nước ngoài	Như trên	Như trên	Như trên
24	B-NCS-283386-TT	Thủ tục phê duyệt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo bị rủi ro do nguyên nhân khách quan vay bổ sung vốn để khôi phục sản xuất, kinh doanh.	Như trên	Như trên	Như trên
25	B-NCS-283224-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn thông qua hộ gia đình	Như trên	Như trên	Như trên
26	B-NCS-283226-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Như trên	Như trên	Như trên
27	B-NCS-283236-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay Dự án đa dạng hoá thu nhập nông thôn tại tỉnh Tuyên Quang (RIDP)	Như trên	Như trên	Như trên
28	B-NCS-283237-TT	Thủ tục cho vay Dự án toàn dân tham gia quản lý nguồn lực tỉnh Tuyên Quang (IFAD)	Như trên	Như trên	Như trên
29	B-NCS-283240-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay Dự án phát triển ngành Lâm nghiệp vay vốn Ngân hàng thế giới đối với Hộ vay tham gia Tổ Tiết kiệm và vay vốn mức vay đến 50 triệu đồng	Như trên	Như trên	Như trên
30	B-NCS-283241-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay Dự án phát triển ngành Lâm nghiệp vay vốn Ngân hàng thế giới đối với Hộ vay tham gia Tổ Tiết kiệm và vay vốn mức vay trên 50 triệu đồng	Như trên	Như trên	Như trên
31	B-NCS-283242-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay Dự án phát triển ngành Lâm nghiệp vay vốn Ngân hàng thế giới đối với Hộ vay không tham gia Tổ Tiết kiệm và vay vốn.	Như trên	Như trên	Như trên
32	B-NCS-283243-TT	Thủ tục cho vay đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương	Như trên	Như trên	Như trên

		(theo Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg)			
33	B-NCS-283244-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với Hộ gia đình, Hộ kinh doanh vay vốn Dự án Nippon mức vay đến 50 triệu đồng.	Như trên	Như trên	Như trên
34	B-NCS-283245-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hộ gia đình và Hộ kinh doanh vay vốn Dự án Nippon mức vay trên 50 triệu đồng	Như trên	Như trên	Như trên
35	B-NCS-283285-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long đối với hộ gia đình vay vốn để tự xây dựng nhà ở.	Như trên	Như trên	Như trên
36	B-NCS-283286-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long đối với hộ gia đình vay vốn để mua trả chậm nhà ở.	Như trên	Như trên	Như trên
37	B-NCS-283312-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay Dự án bảo vệ và phát triển những vùng đất ngập nước ven biển miền Nam Việt Nam (CWPD) tại các tỉnh Trà Vinh, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau.	Như trên	Như trên	Như trên
38	B-NCS-283322-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động hoặc hộ gia đình vay vốn cho người lao động vay trực tiếp (từ nguồn vốn do Tổng 54Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý).	Như trên	Như trên	Như trên
39	B-NCS-283324-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trực tiếp hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn (nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý)	Như trên	Như trên	Như trên
40	B-NCS - 283340-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trực tiếp hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động hoặc hộ gia đình vay vốn cho người lao động bị thu hồi đất	Như trên	Như trên	Như trên

		theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ <i>(từ nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý)</i> .			
41	B-NCS-283341-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với hộ gia đình bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ, cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn <i>(nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý)</i> .	Như trên	Như trên	Như trên
42	B-NCS - 283342-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay vốn tín dụng Học sinh sinh viên thông qua hộ gia đình tham gia đào tạo nghề đối với người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.	Như trên	Như trên	Như trên
43	B-NCS-283344-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn mức vay đến 50 triệu đồng.	Như trên	Như trên	Như trên
44	B-NCS-283345-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn mức vay trên 50 triệu đến 100 triệu đồng	Như trên	Như trên	Như trên
45	B-NCS-283365-TT	Thủ tục cho vay thông qua hộ gia đình đối với học sinh, sinh viên Y khoa sau khi đã tốt nghiệp, trong thời gian thực hành tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để được cấp chứng chỉ hành nghề	Như trên	Như trên	Như trên
46	B-NCS-283367-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với người vay vốn để mua nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.	Như trên	Như trên	Như trên
47	B-NCS-283368-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với người vay vốn để thuê mua nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.	Như trên	Như trên	Như trên

48	B-NCS-283369-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với người vay vốn để xây dựng mới nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội	Như trên	Như trên	Như trên
49	B-NCS-283370-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với người vay vốn để cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-Cp ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.	Như trên	Như trên	Như trên

III. Danh mục các thủ tục giải quyết công việc bị thay thế

T T	Số hồ sơ TTGQCV	Tên thủ tục	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ TTGQCV	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	B-NCS-283379-TT	Thủ tục thay đổi người đại diện Hộ gia đình đứng tên vay vốn	5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016	Hoạt động khác	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)
2	B-NCS-283283-TT	Thủ tục giải ngân các chương trình tín dụng bằng tiền mặt	Như trên	Hoạt động tín dụng	Như trên
3	B-NCS-283215-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay lưu vụ đối với hộ nghèo.	Như trên	Như trên	Như trên
4	B-NCS-283381-TT	Thủ tục phê duyệt gia hạn nợ thông thường đối với người vay là tổ viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn (không bao gồm người vay vốn để thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở).	Như trên	Như trên	Như trên
5	B-NCS-283382-TT	Thủ tục phê duyệt cho gia hạn nợ thông thường đối với người vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội	Như trên	Như trên	Như trên

6	B-NCS-283346-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay lưu vụ đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn mức cho vay đến 50 triệu đồng	Như trên	Như trên	Như trên
7	B-NCS-283347-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay lưu vụ đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn mức cho vay trên 50 triệu	Như trên	Như trên	Như trên
8	B-NHCS 283247-TT	Thủ tục giải ngân cho vay chương trình tín dụng học sinh sinh viên qua thẻ ATM	Như trên	Như trên	Như trên
9	B-NCS-283266-TT	Thủ tục xử lý gia hạn nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình	Như trên	Hoạt động khác	Như trên
10	B-NCS-283268-TT	Thủ tục xử lý khoanh nợ bị rủi ro tối đa 3 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình	Như trên	Như trên	Như trên
11	B-NCS-283270-TT	Thủ tục xử lý khoanh nợ bị rủi ro tối đa 5 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình	Như trên	Như trên	Như trên

Phần B

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI *(Ban hành kèm theo Quyết định số 5651 /QĐ-NHCS ngày 28 /12/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)*

I. Nội dung cụ thể của 11 thủ tục giải quyết công việc thay thế

1. Thủ tục thay đổi người đại diện theo ủy quyền của hộ gia đình vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Trình tự thực hiện như sau:

Bước 1. Người vay

- Các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thỏa thuận cử 01 (một) cá nhân trong số các thành viên này đại diện theo ủy quyền để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và lập Giấy sửa đổi ủy quyền (mẫu số 02/UQ).

- Gửi Ban quản lý Tổ TK&VV Giấy sửa đổi ủy quyền (mẫu số 02/UQ) kèm theo Sổ vay vốn và bản sao (có công chứng hoặc chứng thực) các giấy tờ liên quan.

Bước 2. Ban quản lý Tổ TK&VV

Gửi NHCSXH nơi thực hiện thủ tục hồ sơ đề nghị thay đổi người đại diện theo ủy quyền của hộ gia đình vay vốn NHCSXH.

Bước 3. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ nhận từ Ban quản lý Tổ TK&VV trình Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt;

- Sau khi hoàn thiện các quy trình thủ tục theo quy định, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thay đổi người đại diện theo ủy quyền của hộ gia đình vay vốn NHCSXH;

- Giao cho Hộ gia đình Sổ vay vốn người vay lưu giữ đã thay đổi người đại diện theo ủy quyền của hộ gia đình vay vốn NHCSXH.

b) Cách thức thực hiện: Người vay nộp bộ hồ sơ đề nghị thay đổi người đại diện theo ủy quyền của hộ gia đình vay vốn NHCSXH trực tiếp tới Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

c) Thành phần hồ sơ:

- Giấy sửa đổi ủy quyền (mẫu số 02/UQ): 02 bản (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH);

- Sổ vay vốn: 01 bản chính (*bản người vay lưu giữ*);
- 01 bản sao có công chứng hoặc chứng thực (*lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*) của một trong các giấy tờ sau:

+ Giấy chứng tử;

+ Quyết định của Tòa án;

+ Bản án của Tòa án;

+ Giấy xác nhận về tình trạng sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên và có thời hạn trong vòng 6 tháng tính đến ngày có yêu cầu thay đổi người ủy quyền;

+ Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ Ban quản lý Tổ TK&VV.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục: hộ gia đình vay vốn NHCSXH (thông qua Tổ TK&VV).

g) Cơ quan thực hiện thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

h) Cơ quan phối hợp: Ban quản lý Tổ TK&VV, Trưởng thôn và UBND cấp xã.

i) Kết quả thực hiện: Sổ vay vốn người vay lưu giữ đã thay đổi người đại diện theo ủy quyền của hộ gia đình vay vốn NHCSXH.

k) Mức phí, lệ phí: Không.

l) Mẫu đơn, tờ khai:

Giấy sửa đổi ủy quyền (mẫu số 02/UQ);

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Người đại diện theo ủy quyền của hộ vay vốn NHCSXH thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Chết: có Giấy chứng tử;

+ Bị tuyên bố là chết: có Quyết định của Tòa án;

+ Mất tích: có Quyết định của Tòa án;

- + Mật năng lực hành vi dân sự: có Quyết định của Tòa án;
- + Khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi: có Quyết định của Tòa án;
- + Đang chấp hành án phạt tù giam: có Bản án của Tòa án;
- + Ly hôn và các tranh chấp khác làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của người đang đứng tên người vay: có Bản án của Tòa án;

+ Ốm đau dài ngày không trực tiếp tham gia được các giao dịch với NHCSXH nơi cho vay: có Giấy xác nhận về tình trạng sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp, có thời hạn trong vòng 6 tháng tính đến ngày có yêu cầu thay đổi người ủy quyền;

+ Đi lao động có thời hạn ở nước ngoài: có Hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Có sự thống nhất của Các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thỏa thuận cử 01 (một) cá nhân trong số các thành viên này đại diện theo ủy quyền để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH nơi thực hiện thủ tục; Việc thỏa thuận thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải lập Giấy sửa đổi ủy quyền (*mẫu số 02/UQ*) trước sự chứng kiến của Trưởng thôn;

- Được UBND cấp xã xác nhận trên Giấy sửa đổi ủy quyền (*mẫu số 02/UQ*).

n) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 21/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH;

- Văn bản số 243/NHCS-TD ngày 18/02/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH Hướng dẫn phát hành Sổ vay vốn và phát hành Biên lai thu lãi;

- Văn bản số 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY SỬA ĐỔI ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp lý có liên quan,

Căn cứ Giấy ủy quyền của hộ gia đình chúng tôi lập ngày...../...../.....

I. Ngày..... tháng năm....., hộ gia đình chúng tôi gồm..... người⁽¹⁾, trong đó các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Pháp luật gồm⁽²⁾:

TT	Họ tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước	Nơi cư trú
1				
2				
3				
4				
5				
.....				

II. Nội dung thay đổi người đại diện theo ủy quyền

Nay, các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I của Giấy sửa đổi ủy quyền này (gọi là Bên ủy quyền) thỏa thuận cử ông (bà):, STT⁽³⁾....., năm sinh:....., số CMND/Thẻ căn cước:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp: (gọi là Bên được ủy quyền) đại diện theo ủy quyền cho chúng tôi thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định, để thay thế ông (bà)STT⁽⁴⁾.....theo Giấy ủy quyền hoặc Giấy sửa đổi ủy quyền lập ngày...../...../..... trước sự chứng kiến của Trưởng thôn.

Lý do⁽⁵⁾:

III. Cam kết

Chúng tôi công nhận đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình; hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết do Bên được ủy quyền nhân danh chúng tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

IV. Giấy sửa đổi ủy quyền này sửa đổi cho nội dung: người đại diện theo ủy quyền tại Giấy ủy quyền hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền tại Giấy sửa đổi ủy quyền đã lập

trước đó và được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, 01 bản lưu hộ gia đình./.

BÊN ỦY QUYỀN⁽⁶⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN⁽⁷⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

STT	Họ và tên	Ký tên
1
2
3
4
5
...

**CHỨNG KIẾN CỦA
TRƯỞNG THÔN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm.....
CHẤP THUẬN CỦA NHCSXH
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

-
- (1) Điền tổng số thành viên trong hộ gia đình, gồm cả người chưa thành niên và thành niên.
 - (2) Bao gồm: tất cả các thành viên ghi tại mục I của Giấy ủy quyền hoặc Giấy sửa đổi ủy quyền trừ thành viên chết; tuyên bố chết; mất tích; mất năng lực hành vi dân sự; khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự; đang chấp hành án phạt tù giam, đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.
 - (3) Số thứ tự của người được ủy quyền đã được ghi tại mục I của Giấy sửa đổi ủy quyền.
 - (4) Số thứ tự của người được ủy quyền được ghi tại mục I của Giấy ủy quyền hoặc Giấy sửa đổi Ủy quyền được lập trước đây.
 - (5) Ghi một trong các lý do đã được hướng dẫn tại khoản 1, mục II của văn bản số 5650./NHCS-TDNN ngày 28/12./2016
 - (6) Bao gồm các thành viên ghi tại mục I của Giấy sửa đổi ủy quyền trừ thành viên đã được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy sửa đổi ủy quyền.
 - (7) Là cá nhân được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy sửa đổi ủy quyền.

2. Thủ tục giải ngân các chương trình tín dụng bằng tiền mặt.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người vay

- Các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thỏa thuận cử 01 (một) cá nhân trong số các thành viên này đại diện theo ủy quyền để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) đối với trường hợp hộ gia đình vay vốn NHCSXH chưa thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH;

- Nộp Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) và xuất trình Chứng minh nhân dân (CMND) hoặc xác nhận của UBND cấp xã nơi người vay cư trú (đối với người vay không có CMND) cho NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Đối chiếu khớp đúng Chứng minh nhân dân (CMND) hoặc xác nhận của UBND cấp xã nơi người vay cư trú (đối với người vay không có CMND) với hồ sơ của ngân hàng, người vay đến giao dịch;

- Thực hiện chi tiền vay cho người vay, trả sổ vay vốn cho khách hàng lưu trữ.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi thực hiện thủ tục hoặc Điểm giao dịch xã.

c) Thành phần hồ sơ:

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ): 02 bản chính (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH).

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: Không quy định

e) Đối tượng thực hiện: hộ gia đình vay vốn NHCSXH (thông qua Tổ TK&VV)

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ chức Hội nhận ủy thác cấp xã, trưởng thôn và tổ trưởng Tổ TK&VV mà người vay là tổ viên.

h) Kết quả thực hiện: Người vay nhận tiền vay.

i) Mức phí, tên phí: Không

k) Mẫu đơn, tờ khai: Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ)

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Người vay phải có Chứng minh nhân dân. Trường hợp không có Chứng minh nhân dân thì phải có xác nhận của UBND cấp xã nơi người vay cư trú.

- Người đứng tên vay trên hồ sơ vay vốn là người nhận tiền vay. Trường hợp người vay không trực tiếp đến nhận tiền vay, được ủy quyền cho người thừa kế hoặc một thành viên khác trong hộ (người từ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự) lĩnh tiền vay nhưng phải có giấy ủy quyền có xác nhận của UBND cấp xã nơi người vay cư trú.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Văn bản số 1030/NHCS-TD ngày 08/6/2007 về giải đáp vướng mắc tại các lớp tập huấn nghiệp vụ tín dụng năm 2007;

- Văn bản số 2530/NHCS-TD ngày 15/9/2008 về một số vướng mắc nghiệp vụ liên quan đến người thừa kế;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp lý có liên quan,

I. Ngày.....tháng.....năm....., hộ gia đình chúng tôi gồm..... người⁽¹⁾, trong đó các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Pháp luật gồm:

STT	Họ tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước	Nơi cư trú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

II. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I của Giấy Ủy quyền này (gọi là Bên ủy quyền) thỏa thuận cử ông (bà):.....

STT⁽²⁾....., năm sinh:....., số CMND/Thẻ căn cước:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:(gọi là Bên được ủy quyền) đại diện theo ủy quyền cho chúng tôi thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

III. Cam kết

1. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội trước sự chứng kiến của Trưởng thôn.

2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa chúng tôi với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Khi thay đổi người đại diện theo ủy quyền thì phải làm Giấy sửa đổi ủy quyền và được sự chấp thuận của Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

4. Chúng tôi công nhận đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp của mình; hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết do bên được ủy quyền nhân danh chúng tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

IV. Giấy ủy quyền này được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, 01 bản lưu hộ gia đình./.

STT	BÊN ỦY QUYỀN⁽³⁾		BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN⁽⁴⁾
	Họ và tên	Ký tên	(Ký, ghi rõ họ tên)
1	
2	
3	
4	
5	
...	

**CHỨNG KIẾN CỦA
TRƯỞNG THÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

-
- (1) Điền tổng số thành viên trong Hộ gia đình, gồm cả người chưa thành niên và thành niên.
 - (2) Số thứ tự của người được ủy quyền đã được ghi tại mục I của Giấy ủy quyền.
 - (3) Là các thành viên ghi tại mục I trừ thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.
 - (4) Là thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.

3. Thủ tục phê duyệt cho vay lưu vụ đối với hộ nghèo.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay

- Các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thỏa thuận cử 01 (một) cá nhân trong số các thành viên này đại diện theo ủy quyền để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) đối với trường hợp hộ gia đình vay vốn NHCSXH chưa thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH;

- Khi có nhu cầu vay lưu vụ, trước 05 ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, người vay viết Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (mẫu số 07/TD) gửi cùng với Sổ vay vốn, Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV).

Bước 2. Ban quản lý Tổ TK&VV

- Tổ chức họp Tổ TK&VV để bình xét cho vay lưu vụ công khai, xác nhận trên Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (mẫu số 07/TD) và lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH Chương trình cho vay hộ nghèo - cho vay lưu vụ (mẫu số 03/TD) trình UBND cấp xã xác nhận;

- Gửi bộ hồ sơ vay lưu vụ tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã là hộ nghèo trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Chương trình cho vay hộ nghèo - cho vay lưu vụ (mẫu số 03/TD).

Bước 3. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Xem xét, phê duyệt cho vay lưu vụ sau khi đã nhận đủ hồ sơ đề nghị cho vay lưu vụ từ Ban quản lý Tổ TK&VV;

- Ghi đầy đủ các yếu tố về kết quả phê duyệt cho vay lưu vụ vào Sổ vay vốn lưu tại ngân hàng và Sổ của người vay gửi người vay lưu giữ.

b) Cách thức thực hiện:

Người vay nộp Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (mẫu số 07/TD), Sổ vay vốn và Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) trực tiếp cho Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

c) Thành phần hồ sơ:

- Người vay kê khai, nộp:

+ Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (mẫu số 07/TD): 01 bản chính (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Sổ vay vốn: 01 sổ (người vay lưu giữ);

+ Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ): 02 bản chính (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH).

- Ban quản lý Tổ TK&VV lập:

+ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH Chương trình cho vay hộ nghèo - cho vay lưu vụ (mẫu số 03/TD): 04 bản (Tổ TK&VV lưu 01 bản chính, Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác lưu 01 bản sao, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lưu 01 bản chính và 01 bản sao).

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được hồ sơ đề nghị cho vay lưu vụ từ Ban quản lý Tổ TK&VV.

e) Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình (vay vốn thông qua Tổ TK&VV)

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH;

- Cơ quan phối hợp: UBND, các Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã, trưởng thôn và Ban quản lý Tổ TK&VV.

h) Kết quả thực hiện: Phê duyệt cho vay lưu vụ của NHCSXH nơi thực hiện thủ tục trên Sổ vay vốn của người vay lưu giữ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (mẫu số 07/TD).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục

- Khoản vay đã đến hạn trả nợ nhưng người vay vẫn còn nhu cầu vay vốn cho chu kỳ sản xuất, kinh doanh liền kề;

- Phương án sản xuất, kinh doanh đang vay có hiệu quả;

- Người vay trả đủ số lãi còn nợ của khoản vay trước và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là hộ nghèo trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Chương trình cho vay hộ nghèo - cho vay lưu vụ (mẫu số 03/TD);

- Là khoản vay ngắn hạn (thời hạn vay đến 12 tháng) và trung hạn (thời hạn từ 12 tháng đến 60 tháng).

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Văn bản số 316/NHCS-KH ngày 02/5/2003 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo;

- Văn bản số 676/NHCS-TD ngày 22/4/2007 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi một số điểm văn bản 316/NHCS-KH về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo;

- Văn bản số 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Văn bản số 3105/NHCS-TDNN-HSSV-QL&XLNRR-KHNV-TTCNTT ngày 10/9/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc trả lời vướng mắc sau hội nghị chuyên đề tín dụng;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp lý có liên quan,

I. Ngày.....tháng.....năm....., hộ gia đình chúng tôi gồm..... người⁽¹⁾, trong đó các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Pháp luật gồm:

STT	Họ tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước	Nơi cư trú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

II. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I của Giấy Ủy quyền này (gọi là Bên ủy quyền) thỏa thuận cử ông (bà):.....

STT⁽²⁾, năm sinh:....., số CMND/Thẻ căn cước:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:(gọi là Bên được ủy quyền) đại diện theo ủy quyền cho chúng tôi thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

III. Cam kết

1. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội trước sự chứng kiến của Trưởng thôn.

2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa chúng tôi với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Khi thay đổi người đại diện theo ủy quyền thì phải làm Giấy sửa đổi ủy quyền và được sự chấp thuận của Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

4. Chúng tôi công nhận đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp của mình; hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết do bên được ủy quyền nhân danh chúng tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

IV. Giấy ủy quyền này được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, 01 bản lưu hộ gia đình./.

STT	BÊN ỦY QUYỀN⁽³⁾		BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN⁽⁴⁾
	Họ và tên	Ký tên	(Ký, ghi rõ họ tên)
1	
2	
3	
4	
5	
...	

**CHỨNG KIẾN CỦA
TRƯỞNG THÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

-
- (5) Điền tổng số thành viên trong Hộ gia đình, gồm cả người chưa thành niên và thành niên.
- (6) Số thứ tự của người được ủy quyền đã được ghi tại mục I của Giấy ủy quyền.
- (7) Là các thành viên ghi tại mục I trừ thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.
- (8) Là thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHO VAY LƯU VỤ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên người vay..... Năm sinh:.....

Địa chỉ cư trú tại: xã (phường, thị trấn).....

Huyện (quận, thị xã)..... tỉnh (thành phố)

Là thành viên tổ TK&VV do ông (bà) làm tổ trưởng.

Sổ TK&VV hoặc Khế ước nhận nợ số:; lập ngày / /.....

Nay tôi đã trả hết lãi tiền vay Ngân hàng nhưng còn nợ số tiền gốc là: đồng.

Theo thỏa thuận tôi phải trả nợ vào ngày / /

Hiện nay phương án sản xuất, kinh doanh của tôi đang có hiệu quả và gia đình tôi có nhu cầu tiếp tục sử dụng vốn vay. Tôi viết giấy này đề nghị Ngân hàng xem xét cho tôi vay lưu vụ số tiền gốc: đồng.

(Bằng chữ:

- Thời hạn xin vay: tháng. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày / /

- Lãi suất:%/tháng.

- Lãi tiền vay xin trả theo định kỳ tháng/quý, vào ngày.....

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ, trả lãi đầy đủ và đúng hạn. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày.....tháng.....năm.....

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

Tổ TK&VV

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

1. Số tiền cho vay lưu vụ:.....đồng. (Bằng chữ.....

2. Thời hạn cho vay:.....tháng. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày / /

3. Lãi suất cho vay:.....%/tháng, lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.

Lãi tiền vay trả theo định kỳ tháng/quý, vào ngày.....

..... Ngày tháng năm

Cán bộ tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng

(Tổ trưởng) TD

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

4. Thủ tục phê duyệt cho gia hạn nợ thông thường đối với người vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà để ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội

a) Trình tự thực hiện

Bước 1. Người vay:

- Các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thỏa thuận cử 01 (một) cá nhân trong số các thành viên này đại diện theo ủy quyền để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) đối với trường hợp hộ gia đình vay vốn NHCSXH chưa thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH;

- Khi có nhu cầu gia hạn nợ, trước khi đến hạn trả nợ cuối cùng 05 ngày, người vay viết Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09/NOXH) gửi cùng với Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ đề nghị gia hạn nợ của người vay, xem xét, phê duyệt gia hạn nợ:

- Trường hợp phê duyệt cho gia hạn nợ, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lập Thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ (mẫu số 09.1/TD) chuyển Tổ trưởng Tổ TK&VV để gửi người vay lưu giữ;

- Trường hợp không phê duyệt cho gia hạn nợ, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lập Thông báo Danh sách người vay không được gia hạn nợ (mẫu số 09.2/TD) chuyển Tổ trưởng Tổ TK&VV để thông báo và đôn đốc người vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

b) Cách thức thực hiện

Người vay nộp Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09/NOXH) và Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) gửi NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ

- Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09/NOXH): 01 bản chính (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ): 02 bản chính (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH)

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn nợ từ người vay.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình vay vốn NHCSXH (*thông qua Tổ TK&VV*).

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH;

- Cơ quan phối hợp: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi Người vay vốn làm việc, UBND cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã, trưởng thôn và Ban quản lý Tổ TK&VV.

h) Kết quả thực hiện

- Thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ (*mẫu số 09.1/TD*);

- Thông báo Danh sách người vay không được gia hạn nợ (*mẫu số 09.2/TD*).

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*);

- Giấy đề nghị gia hạn nợ (*mẫu số 09/NOXH*);

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục

- Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay và trả đủ tiền lãi theo quy định;

- Người vay chưa trả được nợ đến hạn do các nguyên nhân khách quan và có nhu cầu gia hạn nợ;

- Người vay chưa được gia hạn nợ hoặc đã được gia hạn nợ nhưng thời gian gia hạn nợ dưới 24 tháng.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

- Căn cứ Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

- Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 5/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn;

- Văn bản số 1004/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện Điều 21 Quyết định 15/QĐ-HĐQT ngày 5/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn;

- Văn bản số 2526/NHCS-TDSV ngày 27/7/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở;

- Văn bản số 4086/NHCS-TDNN ngày 26/10/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi thủ tục, quy trình gia hạn nợ thông thường;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp lý có liên quan,

I. Ngày.....tháng.....năm....., hộ gia đình chúng tôi gồm..... người⁽¹⁾, trong đó các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Pháp luật gồm:

STT	Họ tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước	Nơi cư trú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

II. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I của Giấy Ủy quyền này (gọi là Bên ủy quyền) thỏa thuận cử ông (bà):.....

STT⁽²⁾....., năm sinh:....., số CMND/Thẻ căn cước:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:(gọi là Bên được ủy quyền) đại diện theo ủy quyền cho chúng tôi thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

III. Cam kết

1. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội trước sự chứng kiến của Trưởng thôn.

2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa chúng tôi với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Khi thay đổi người đại diện theo ủy quyền thì phải làm Giấy sửa đổi ủy quyền và được sự chấp thuận của Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

4. Chúng tôi công nhận đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp của mình; hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước

pháp luật về mọi cam kết do bên được ủy quyền nhân danh chúng tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

IV. Giấy ủy quyền này được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, 01 bản lưu hộ gia đình./.

STT	BÊN ỦY QUYỀN⁽³⁾		BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN⁽⁴⁾
	Họ và tên	Ký tên	(Ký, ghi rõ họ tên)
1	
2	
3	
4	
5	
...	

**CHỨNG KIẾN CỦA
TRƯỞNG THÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

-
- (9) Điền tổng số thành viên trong Hộ gia đình, gồm cả người chưa thành niên và thành niên.
- (10) Số thứ tự của người được ủy quyền đã được ghi tại mục I của Giấy ủy quyền.
- (11) Là các thành viên ghi tại mục I trừ thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.
- (12) Là thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Chi nhánh (PGD) NHCSXH tỉnh (huyện).....

Tên người vay vốn:

Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày.....tháng.....năm....., tôi đã được chi nhánh (Phòng giao dịch) NHCSXH tỉnh (huyện)..... cho vay số tiền.....đồng. Hạn phải trả vào ngày tháng năm

- Số tiền nợ gốc đã trảđồng.

- Số tiền nợ gốc chưa trả.....đồng.

- Lý do chậm trả:

- Đề nghị chi nhánh (Phòng giao dịch) NHCSXH tỉnh (huyện) cho gia hạn số nợ gốc nêu trên đến ngày . . . tháng . . . năm

Tôi/Chúng tôi xin cam kết trả đúng hạn trên./.

Tổ chức chính trị xã hội
nhận ủy thác cấp xã
Chủ tịch
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Người vay
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND cấp xã, phường, thị trấn
hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị¹

.....
....., ngày ... tháng ... năm
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được gia hạn nợ là

- Thời gian gia hạn nợ đến ngày .../...../.....

CÁN BỘ TÍN DỤNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG (TỔ
TRƯỞNG) TÍN DỤNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ UBND xã xác nhận đối với: Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và UBND xã xác nhận đối với: Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

5. Thủ tục phê duyệt gia hạn nợ thông thường đối với người vay là tổ viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn (không bao gồm người vay vốn để thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà để ở).

a) Trình tự thực hiện

Bước 1. Người vay

- Các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thỏa thuận cử 01 (một) cá nhân trong số các thành viên này đại diện theo ủy quyền để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) đối với trường hợp hộ gia đình vay vốn NHCSXH chưa thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH;

- Khi có nhu cầu gia hạn nợ, trước kỳ hạn trả nợ cuối cùng, người vay viết Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09A/TD) gửi cùng với Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) cho Ban quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV).

Bước 2. Ban quản lý Tổ TK&VV

Tổ trưởng Tổ TK&VV đề nghị Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã kiểm tra thực tế nguyên nhân chưa trả được nợ của người vay theo Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09A/TD).

Bước 3. Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã

Căn cứ kết quả kiểm tra, ghi ý kiến “Đề nghị cho gia hạn nợ” hoặc “Đề nghị không cho gia hạn nợ” trên Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09A/TD), trình UBND cấp xã xác nhận và gửi hồ sơ đề nghị gia hạn nợ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 4: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, xem xét, phê duyệt gia hạn nợ:

- Trường hợp phê duyệt cho gia hạn nợ, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lập Thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ (mẫu số 09.1/TD) chuyển Tổ trưởng Tổ TK&VV để gửi người vay lưu giữ cùng Sổ vay vốn;

- Trường hợp không phê duyệt cho gia hạn nợ, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lập Thông báo Danh sách người vay không được gia hạn nợ (mẫu số 09.2/TD) chuyển Tổ trưởng Tổ TK&VV để thông báo và đôn đốc người vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

b) Cách thức thực hiện

Người vay nộp Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09A/TD) và Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) cho Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

c) Thành phần hồ sơ

- Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09A/TD): 01 bản chính (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ): 02 bản chính (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH).

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn nợ từ Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã.

e) Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình vay vốn NHCSXH (thông qua Tổ TK&VV).

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH;

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã, các Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã, trưởng thôn và Ban quản lý Tổ TK&VV.

h) Kết quả thực hiện

- Thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ (mẫu số 09.1/TD);

- Thông báo Danh sách người vay không được gia hạn nợ (mẫu số 09.2/TD).

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09A/TD).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục

- Người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích;

- Người vay chưa trả được nợ đến hạn do các nguyên nhân khách quan và có nhu cầu gia hạn nợ.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 5/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn;

- Văn bản số 1004/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện Điều 21 Quyết định 15/QĐ-HĐQT ngày 5/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn;

- Văn bản số 4086/NHCS-TDNN ngày 26/10/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi thủ tục, quy trình gia hạn nợ thông thường;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp lý có liên quan,

I. Ngày.....tháng.....năm....., hộ gia đình chúng tôi gồm..... người⁽¹⁾, trong đó các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Pháp luật gồm:

STT	Họ tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước	Nơi cư trú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

II. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I của Giấy Ủy quyền này (gọi là Bên ủy quyền) thỏa thuận cử ông (bà):.....

STT⁽²⁾....., năm sinh:....., số CMND/Thẻ căn cước:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:(gọi là Bên được ủy quyền) đại diện theo ủy quyền cho chúng tôi thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

III. Cam kết

1. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội trước sự chứng kiến của Trưởng thôn.

2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa chúng tôi với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Khi thay đổi người đại diện theo ủy quyền thì phải làm Giấy sửa đổi ủy quyền và được sự chấp thuận của Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

4. Chúng tôi công nhận đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp của mình; hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết do bên được ủy quyền nhân danh chúng tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

IV. Giấy ủy quyền này được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, 01 bản lưu hộ gia đình./.

<i>STT</i>	BÊN ỦY QUYỀN⁽³⁾		BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN⁽⁴⁾
	<i>Họ và tên</i>	<i>Ký tên</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>
1	
2	
3	
4	
5	
...	

**CHỨNG KIẾN CỦA
TRƯỞNG THÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

-
- (13) Điền tổng số thành viên trong Hộ gia đình, gồm cả người chưa thành niên và thành niên.
- (14) Số thứ tự của người được ủy quyền đã được ghi tại mục I của Giấy ủy quyền.
- (15) Là các thành viên ghi tại mục I trừ thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.
- (16) Là thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Tên tôi là:Năm sinh:.....

Hiện cư trú tại:

Là tổ viên tổ tiết kiệm và vay vốn do ông (bà):.....làm tổ trưởng, thuộc tổ chức Hội, đoàn thể:.....quản lý.

Có Số vay vốn (Hợp đồng tín dụng) số:..... ngày...../...../.....

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: gốc:..... đồng; lãi:đồng; mã món vay:thuộc chương trình cho vay

Theo thỏa thuận tôi phải trả số tiền trên vào ngày//, nhưng tôi chưa trả được vì lý do:.....

.....
Đề nghị Ngân hàng xem xét cho gia hạn khoản nợ gốc nêu trên đến ngày...../...../.....

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày.....tháng....năm.....

Tổ TK&VV

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

**Ý kiến của Đơn vị
nhận ủy thác cấp xã**

Xác nhận của UBND cấp xã

.....
Ngày ... tháng ... năm

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

.....
Ngày ... tháng ... năm

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được gia hạn nợ là

- Thời gian gia hạn nợ : Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...

CÁN BỘ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG

(TỔ TRƯỞNG) TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

6.Thủ tục phê duyệt cho vay lưu vụ đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn mức cho vay đến 50 triệu đồng

a) Trình tự thực hiện

Bước 1. Người vay:

- Các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thỏa thuận cử 01 (một) cá nhân trong số các thành viên này đại diện theo ủy quyền để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và lập Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*) đối với trường hợp hộ gia đình vay vốn NHCSXH chưa thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH;

- Khi có nhu cầu vay lưu vụ, trước 05 ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, người vay viết Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (*mẫu số 07/TD*) gửi cùng với Sổ vay vốn, Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*) cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV).

Bước 2. Ban quản lý Tổ TK&VV:

- Tổ chức họp Tổ TK&VV để bình xét cho vay lưu vụ công khai, xác nhận trên Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (*mẫu số 07/TD*) và lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (*mẫu số 03/TD*) trình UBND cấp xã xác nhận;

- Gửi bộ hồ sơ vay lưu vụ tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH Chương trình cho vay hộ sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn - cho vay lưu vụ (*mẫu số 03/TD*).

Bước 3. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Xem xét, phê duyệt cho vay lưu vụ sau khi đã nhận đủ hồ sơ đề nghị gia hạn nợ của người vay từ Ban quản lý Tổ TK&VV;

- Ghi đầy đủ các yếu tố về kết quả phê duyệt cho vay lưu vụ vào Sổ vay vốn lưu tại ngân hàng và Sổ của người vay gửi người vay lưu giữ.

b) Cách thức thực hiện:

Người vay nộp Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (*mẫu số 07/TD*) và Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*) và Sổ vay vốn trực tiếp cho Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

c) Thành phần hồ sơ:

- Người vay kê khai, nộp:

+ Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (*mẫu số 07/TD*): 01 bản chính (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

- Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*): 02 bản chính (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH)

+ Sổ vay vốn: 01 sổ (người vay lưu giữ).

- Ban quản lý Tô TK&VV lập:

+ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD): 04 bản (Tô TK&VV lưu 01 bản chính, Tô chức chính trị - xã hội nhận ủy thác lưu 01 bản sao, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lưu 01 bản chính và 01 bản sao);

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được hồ sơ đề nghị cho vay lưu vụ từ Ban quản lý Tô TK&VV.

e) Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình (vay vốn thông qua Tô TK&VV)

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH;

- Cơ quan phối hợp: UBND, các Tô chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã, trưởng thôn và Ban quản lý Tô TK&VV.

h) Kết quả thực hiện: Phê duyệt cho vay lưu vụ của NHCSXH nơi thực hiện thủ tục trên Sổ vay vốn của người vay lưu giữ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ).

- Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (mẫu số 07/TD).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Chỉ áp dụng cho vay lưu vụ đối với các khoản vay ngắn hạn (thời hạn vay đến 12 tháng) có chu kỳ kế tiếp như chu kỳ sản xuất, kinh doanh trước;

- Khoản vay đã đến hạn trả nhưng người vay vẫn còn nhu cầu vay vốn cho chu kỳ sản xuất, kinh doanh liền kề;

- Phương án sản xuất kinh doanh đang vay có hiệu quả;

- Người vay trả đủ số lãi còn nợ của khoản vay trước.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 31/2007/QĐ- TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn;

- Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;

- Quyết định số 306/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức cho vay đối với hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn;

- Quyết định số 12/2016/QĐ-TTg ngày 11/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18/7/2012 và Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014;

- Văn bản số 677/NHCS-TD ngày 22/4/2007 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện cho vay vốn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn;

- Văn bản số 243/NHCS-TD ngày 18/02/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn quy trình phát hành Sổ vay vốn và phát hành Biên lai thu lãi tiền vay;

- Văn bản số 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản nghiệp vụ hướng dẫn cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Văn bản số 3105/NHCS-TDNN-HSSV-QL&XLNRR-KHNV-TTCNTT ngày 10/9/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc trả lời vướng mắc sau hội nghị chuyên đề tín dụng;

- Văn bản số 575/NHCS-TDSV ngày 14/3/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn điều chỉnh mức cho vay theo Quyết định số 306/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp lý có liên quan,

I. Ngày.....tháng.....năm....., hộ gia đình chúng tôi gồm..... người⁽¹⁾, trong đó các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Pháp luật gồm:

STT	Họ tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước	Nơi cư trú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

II. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I của Giấy Ủy quyền này (gọi là Bên ủy quyền) thỏa thuận cử ông (bà):.....

STT⁽²⁾....., năm sinh:....., số CMND/Thẻ căn cước:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:(gọi là Bên được ủy quyền) đại diện theo ủy quyền cho chúng tôi thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

III. Cam kết

1. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội trước sự chứng kiến của Trưởng thôn.

2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa chúng tôi với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Khi thay đổi người đại diện theo ủy quyền thì phải làm Giấy sửa đổi ủy quyền và được sự chấp thuận của Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

4. Chúng tôi công nhận đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp của mình; hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước

pháp luật về mọi cam kết do bên được ủy quyền nhân danh chúng tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

IV. Giấy ủy quyền này được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, 01 bản lưu hộ gia đình./.

STT	BÊN ỦY QUYỀN ⁽³⁾		BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN ⁽⁴⁾
	Họ và tên	Ký tên	(Ký, ghi rõ họ tên)
1	
2	
3	
4	
5	
...	

**CHỨNG KIẾN CỦA
TRƯỞNG THÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

-
- (17) Điền tổng số thành viên trong Hộ gia đình, gồm cả người chưa thành niên và thành niên.
- (18) Số thứ tự của người được ủy quyền đã được ghi tại mục I của Giấy ủy quyền.
- (19) Là các thành viên ghi tại mục I trừ thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.
- (20) Là thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHO VAY LƯU VỤ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên người vay..... Năm sinh:.....

Địa chỉ cư trú tại: xã (phường, thị trấn).....

Huyện (quận, thị xã)..... tỉnh (thành phố)

Là thành viên tổ TK&VV do ông (bà) làm tổ trưởng.

Số TK&VV hoặc Khế ước nhận nợ số:; lập ngày / /

Nay tôi đã trả hết lãi tiền vay Ngân hàng nhưng còn nợ số tiền gốc là:đồng.

Theo thỏa thuận tôi phải trả nợ vào ngày / /

Hiện nay phương án sản xuất, kinh doanh của tôi đang có hiệu quả và gia đình tôi có nhu cầu tiếp tục sử dụng vốn vay. Tôi viết giấy này đề nghị Ngân hàng xem xét cho tôi vay lưu vụ số tiền gốc: đồng.

(Bằng chữ:

- Thời hạn xin vay: tháng. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày / /

- Lãi suất:%/tháng.

- Lãi tiền vay xin trả theo định kỳ tháng/quý, vào ngày.....

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ, trả lãi đầy đủ và đúng hạn. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày.....tháng.....năm.....

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

Tổ TK&VV

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

1. Số tiền cho vay lưu vụ:.....đồng. (Bằng chữ.....

.....

2. Thời hạn cho vay:.....tháng. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày / /

3. Lãi suất cho vay:.....%/tháng, lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.

Lãi tiền vay trả theo định kỳ tháng/quý, vào ngày.....

..... Ngày tháng năm

.....

Cán bộ tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng

(Tổ trưởng) TD

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

7.Thủ tục phê duyệt cho vay lưu vụ đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn mức cho vay trên 50 triệu

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay:

- Các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thỏa thuận cử 01 (một) cá nhân trong số các thành viên này đại diện theo ủy quyền để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và lập Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*) đối với trường hợp hộ gia đình vay vốn NHCSXH chưa thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH;

- Khi có nhu cầu vay lưu vụ, trước 05 ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, người vay viết Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (*mẫu số 07/TD*), gửi cùng với Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*), Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay (*mẫu số 05/TD*) người vay lưu giữ) trực tiếp cho NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ về nội dung trên Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (*mẫu số 07/TD*), Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*); xem xét, phê duyệt cho vay lưu vụ (nếu người vay có đủ điều kiện);

- Ghi đầy đủ các yếu tố về kết quả phê duyệt cho vay lưu vụ vào Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay (*mẫu số 05/TD*) và gửi người vay 01 bản lưu giữ.

b) Cách thức thực hiện: Người vay nộp hồ sơ đề nghị vay lưu vụ trực tiếp cho NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (*mẫu 07/TD*): 01 bản chính (*NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lưu giữ*).

- Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*): 02 bản chính (*01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH*)

- Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay (*mẫu số 05/TD người vay lưu giữ*): 01 bản chính (*người vay lưu giữ*).

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được hồ sơ đề nghị cho vay lưu vụ của người vay.

e) Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH;

- Cơ quan phối hợp: UBND, trưởng thôn và Ban quản lý Tổ TK&VV.

h) Kết quả thực hiện thủ tục:

Phê duyệt cho vay lưu vụ của NHCSXH nơi thực hiện thủ tục trên Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay (mẫu số 05/TD người vay lưu giữ).

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (mẫu 07/TD);

- Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay (mẫu số 05/TD).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Chỉ áp dụng cho vay lưu vụ đối với các khoản vay ngắn hạn (thời hạn vay đến 12 tháng) có chu kỳ kế tiếp như chu kỳ sản xuất, kinh doanh trước;

- Khoản vay đã đến hạn trả nhưng người vay vẫn còn nhu cầu vay vốn cho chu kỳ sản xuất, kinh doanh liền kề;

- Phương án sản xuất kinh doanh đang vay có hiệu quả;

- Người vay trả đủ số lãi còn nợ của khoản vay trước.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 31/2007/QĐ- TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn;

- Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;

- Quyết định số 306/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức cho vay đối với hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn;

- Quyết định số 12/2016/QĐ-TTg ngày 11/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18/7/2012 và Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014;

- Văn bản số 677/NHCS-TD ngày 22/4/2007 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn thực hiện cho vay vốn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn;

- Văn bản số 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản nghiệp vụ hướng dẫn cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Văn bản số 575/NHCS-TDSV ngày 14/3/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn điều chỉnh mức cho vay theo Quyết định số 306/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp lý có liên quan,

I. Ngày.....tháng.....năm....., hộ gia đình chúng tôi gồm..... người⁽¹⁾, trong đó các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Pháp luật gồm:

STT	Họ tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước	Nơi cư trú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

II. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I của Giấy Ủy quyền này (gọi là Bên ủy quyền) thỏa thuận cử ông (bà):.....

STT⁽²⁾....., năm sinh:....., số CMND/Thẻ căn cước:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:(gọi là Bên được ủy quyền) đại diện theo ủy quyền cho chúng tôi thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

III. Cam kết

1. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội trước sự chứng kiến của Trưởng thôn.

2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa chúng tôi với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Khi thay đổi người đại diện theo ủy quyền thì phải làm Giấy sửa đổi ủy quyền và được sự chấp thuận của Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

4. Chúng tôi công nhận đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp của mình; hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước

pháp luật về mọi cam kết do bên được ủy quyền nhân danh chúng tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

IV. Giấy ủy quyền này được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, 01 bản lưu hộ gia đình./.

<i>STT</i>	BÊN ỦY QUYỀN⁽³⁾		BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN⁽⁴⁾
	<i>Họ và tên</i>	<i>Ký tên</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>
<i>1</i>	
<i>2</i>	
<i>3</i>	
<i>4</i>	
<i>5</i>	
...	

**CHỨNG KIẾN CỦA
TRƯỞNG THÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

-
- (21) Điền tổng số thành viên trong Hộ gia đình, gồm cả người chưa thành niên và thành niên.
(22) Số thứ tự của người được ủy quyền đã được ghi tại mục I của Giấy ủy quyền.
(23) Là các thành viên ghi tại mục I trừ thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.
(24) Là thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHO VAY LƯU VỤ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên người vay..... Năm sinh:.....

Địa chỉ cư trú tại: xã (phường, thị trấn).....

Huyện (quận, thị xã)..... tỉnh (thành phố)

Là thành viên tổ TK&VV do ông (bà) làm tổ trưởng.

Sổ TK&VV hoặc Khế ước nhận nợ số:; lập ngày / /.....

Nay tôi đã trả hết lãi tiền vay Ngân hàng nhưng còn nợ số tiền gốc là: đồng.

Theo thỏa thuận tôi phải trả nợ vào ngày / /

Hiện nay phương án sản xuất, kinh doanh của tôi đang có hiệu quả và gia đình tôi có nhu cầu tiếp tục sử dụng vốn vay. Tôi viết giấy này đề nghị Ngân hàng xem xét cho tôi vay lưu vụ số tiền gốc: đồng.

(Bằng chữ:

- Thời hạn xin vay: tháng. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày / /

- Lãi suất:%/tháng.

- Lãi tiền vay xin trả theo định kỳ tháng/quý, vào ngày.....

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ, trả lãi đầy đủ và đúng hạn. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày.....tháng.....năm.....

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

Tổ TK&VV

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

1. Số tiền cho vay lưu vụ:..... đồng. (Bằng chữ.....

2. Thời hạn cho vay:.....tháng. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày / /

3. Lãi suất cho vay:.....%/tháng, lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.

Lãi tiền vay trả theo định kỳ tháng/quý, vào ngày.....

..... Ngày tháng năm

Cán bộ tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng

(Tổ trưởng) TD

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

**KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ KIÊM CAM KẾT
BẢO ĐẢM TIỀN VAY BẰNG TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ VỐN VAY**
Số:/KU

Hôm nay, ngày tháng năm tại chúng tôi gồm:

Bên cho vay (sau đây gọi tắt là Bên A):

- Ngân hàng Chính sách xã hội:
- Địa chỉ:.....
- Người đại diện Ông (bà): Chức vụ:.....
- Giấy uỷ quyền (nếu có) số: ngày...../...../.....do ông (bà)uỷ quyền.

Bên vay (sau đây gọi tắt là Bên B):

1. Họ và tên người vay:.....năm sinh.....
CMND sốngày cấp/...../..... Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:

Hai Bên cùng thỏa thuận nội dung sau đây:

Điều 1. Nội dung cho vay

- 1.1. Tổng số tiền cho vay (bằng số):đồng
Bằng chữ:
- 1.2. Mục đích sử dụng tiền vay:
-.....
-.....

- 1.3. Thời hạn cho vay:..... tháng; Hạn trả nợ cuối cùng, ngày/...../.....
Định kỳ hạn trả nợ gốc kỳ,tháng/lần.

- 1.4. Lãi suất cho vay:%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.
Tiền lãi trả theo định kỳ tháng/quí, vào ngày...../...../.....

Điều 2. Phát tiền vay

Phát tiền vay một hay nhiều lần:.....

Điều 3. Hình thức bảo đảm tiền vay

- 3.1. Cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
.....
.....
.....

- 3.2.Thoả thuận thời gian tài sản sẽ hình thành: Ngày...../...../.....

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của bên A.

4.1. Quyền của bên A

- a. Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của bên B.

- b. Ngừng cho vay và thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn nếu phát hiện bên

B sử dụng vốn vay sai mục đích.

c. Đến kỳ hạn trả nợ, bên B không được cho vay lưu vụ, điều chỉnh kỳ hạn nợ, cho gia hạn nợ thì chuyển số dư nợ đến hạn phải trả sang nợ quá hạn.

d. Được phát mại các tài sản hình thành từ vốn vay để thu nợ khi bên B không trả được nợ.

e. Yêu cầu bên B thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận.

4.2- Nghĩa vụ của bên A

a. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận.

b. Phát đủ số tiền vay phù hợp với tiến độ thực hiện phương án sản xuất của bên B, thu hồi nợ (gốc và lãi).

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên B

5.1. Quyền của bên B

a. Được trả nợ trước hạn.

b. Từ chối mọi yêu cầu của bên A trái với thỏa thuận.

5.2. Nghĩa vụ của bên B

a. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận.

b. Sử dụng tiền vay đúng mục đích xin vay. Hoàn trả đầy đủ nợ vay (cả tiền gốc và lãi) theo đúng thời hạn đã thỏa thuận.

c. Không được sử dụng tài sản hình thành từ tiền vay để bảo đảm cho một nghĩa vụ dân sự khác, hoặc chuyển nhượng tài sản này khi chưa trả hết nợ vay.

d. Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên A trong sử dụng vốn vay.

Điều 6. Khế ước nhận nợ có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi bên B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và lãi.

Điều 7. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Khế ước nhận nợ này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không hòa giải được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật.

Khế ước nhận nợ này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Đại diện bên B
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên A
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ

Kèm theo khế ước số /KU ngày tháng năm 20

1. THEO DÕI NỢ VAY, PHÂN KỲ TRẢ NỢ:

Phát tiền vay			Định kỳ hạn trả nợ		Chữ ký	
Ngày, tháng, năm	Số tiền cho vay	Dư nợ	Ngày, tháng, năm	Số tiền gốc	Người vay	Cán bộ NH

2. ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ GỐC, GIA HẠN NỢ GỐC, CHO VAY LƯU VỤ,...

Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc		Gia hạn nợ gốc, cho vay lưu vụ	
		Số tiền	Đến ngày.../.../...	Số tiền	Đến ngày.../.../...

3. THEO DÕI THU NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, DƯ NỢ:

Ngày, tháng, năm	Thu nợ trong hạn		Chuyển nợ quá hạn	Thu nợ quá hạn		Dư nợ	
	Gốc	Lãi		Gốc	Lãi	Tổng số	Trở: Nợ quá hạn

8. Thủ tục giải ngân cho vay chương trình tín dụng học sinh, sinh viên qua thẻ ATM.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay:

- Các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thỏa thuận cử 01 (một) cá nhân trong số các thành viên này đại diện theo ủy quyền để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và lập Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*) đối với trường hợp hộ gia đình vay vốn NHCSXH chưa thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH;

- Đề nghị nhận tiền vay qua thẻ ATM với NHCSXH nơi thực hiện thủ tục theo thông báo kết quả phê duyệt cho vay (*mẫu số 04/TD*) nhận được từ Tổ TK&VV.

- Người vay điền các thông tin, ký vào Phiếu giải ngân cho vay vào tài khoản thẻ (*mẫu số 02/CVCK*).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

Gửi cho người vay Phiếu giải ngân cho vay vào tài khoản thẻ (*mẫu số 02/CVCK*) có xác nhận của ngân hàng.

b) Cách thức thực hiện: Người vay thực hiện trực tiếp với NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Phiếu giải ngân cho vay vào tài khoản thẻ (*mẫu 02/CVCK*): 02 bản chính (*01 bản lưu người vay, 01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*).

- Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*): 02 bản chính (*01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH*)

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: Ngay sau khi người vay đề nghị.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH;

- Cơ quan phối hợp: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) và Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank), UBND cấp xã, Trưởng thôn.

h) Kết quả thực hiện: Phiếu giải ngân cho vay vào tài khoản thẻ (*mẫu số 02/CVCK*) có xác nhận của ngân hàng.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);
- Phiếu giải ngân cho vay vào tài khoản thẻ (mẫu 02/CVCK).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- HSSV phải có thẻ ATM mở tại Ngân hàng Agribank, và Ngân hàng Vietinbank;

- HSSV chưa có thẻ ATM sẽ được Agribank hoặc Vietinbank cấp thẻ miễn phí.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Văn bản số 2525/NHCS-TDSV ngày 07/9/2009 của Tổng Giám đốc về việc giải ngân cho vay qua thẻ đối với chương trình tín dụng học sinh, sinh viên.

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp lý có liên quan,

I. Ngày.....tháng.....năm....., hộ gia đình chúng tôi gồm..... người⁽¹⁾, trong đó các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Pháp luật gồm:

STT	Họ tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước	Nơi cư trú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

II. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I của Giấy Ủy quyền này (gọi là Bên ủy quyền) thỏa thuận cử ông (bà):.....

STT⁽²⁾....., năm sinh:....., số CMND/Thẻ căn cước:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:(gọi là Bên được ủy quyền) đại diện theo ủy quyền cho chúng tôi thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

III. Cam kết

1. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội trước sự chứng kiến của Trưởng thôn.

2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa chúng tôi với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Khi thay đổi người đại diện theo ủy quyền thì phải làm Giấy sửa đổi ủy quyền và được sự chấp thuận của Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

4. Chúng tôi công nhận đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp của mình; hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước

pháp luật về mọi cam kết do bên được ủy quyền nhân danh chúng tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

IV. Giấy ủy quyền này được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, 01 bản lưu hộ gia đình./.

<i>STT</i>	BÊN ỦY QUYỀN⁽³⁾		BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN⁽⁴⁾
	<i>Họ và tên</i>	<i>Ký tên</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>
1	
2	
3	
4	
5	
...	

**CHỨNG KIẾN CỦA
TRƯỞNG THÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

-
- (25) Điền tổng số thành viên trong Hộ gia đình, gồm cả người chưa thành niên và thành niên.
- (26) Số thứ tự của người được ủy quyền đã được ghi tại mục I của Giấy ủy quyền.
- (27) Là các thành viên ghi tại mục I trừ thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.
- (28) Là thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Phòng giao dịch:

**PHIẾU GIẢI NGÂN CHO VAY
VÀO TÀI KHOẢN THẺ**

Họ tên người vay:

Địa chỉ:

Số CMND: ngày cấp..... nơi cấp.....

Họ tên HSSV (Người nhận tiền):

Số CMND: ngày cấp..... nơi cấp.....

Số tài khoản thẻ: Tại Ngân
hàng.....

Số tiền giải ngân (Bằng chữ):

.....

Nội dung (Trích yếu).....

.....

Phần do NH ghi

Nợ TK:

Có TK:

Bằng số:

.....đ

Người vay
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán**
(Ký)**Kiểm soát**
(Hoặc Tổ trưởng Tổ
giao dịch lưu động ký)**Giám đốc**
(Ký)

9. Thủ tục xử lý gia hạn nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1.

- Các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thỏa thuận cử 01 (một) cá nhân trong số các thành viên này đại diện theo ủy quyền để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) đối với trường hợp hộ gia đình vay vốn NHCSXH chưa thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH;

- Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN) gửi cùng với Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) và các giấy tờ có liên quan gửi NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

- Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi;

- Phối hợp với khách hàng, UBND xã, Công an xã, Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án), Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, cơ quan chuyên ngành ... tiến hành thẩm tra, lập Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (mẫu số 02/XLN).

- Lập biểu tổng hợp đề nghị gia hạn nợ và trình Giám đốc xem xét phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN): 01 bản chính;

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ): 02 bản chính đối với gia đình vay vốn NHCSXH chưa thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH) hoặc 01 bản sao y bản chính đối với gia đình vay vốn NHCSXH đã thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH;

- Giấy thay đổi người ủy quyền (mẫu số 02/UQ): 01 bản sao y bản chính đối với gia đình vay vốn NHCSXH đã thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH;

- Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (mẫu số 02/XLN): 01 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng tín dụng, Sổ vay vốn hoặc các loại giấy tờ nhận nợ khác): 01 bản (sao y bản chính);

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: Không quy định thời gian cụ thể.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng Giám đốc NHCSXH;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (*được uỷ quyền*).

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

h) Cơ quan phối hợp: UBND xã, Công an xã, Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án), Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, cơ quan chuyên ngành ...

i) Kết quả thực hiện thủ tục: Kết quả phê duyệt của Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

k) Mức phí, lệ phí: Không.

l) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy uỷ quyền (mẫu số 01/UQ);

- Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*);

- Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (*mẫu số 02/XLN*).

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;

- Khách hàng gặp thiên tai và tác động do biến đổi khí hậu gây thiệt hại đến vốn và tài sản của khách hàng gồm: bão, lũ lụt, hạn hán, động đất, sạt lở đất, rét đậm rét hại, cháy rừng, dịch họa, hỏa hoạn;

- Do dịch bệnh liên quan đến gia súc, gia cầm, thủy hải sản, động vật nuôi khác và cây trồng;

- Nhà nước điều chỉnh chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Do biến động chính trị, kinh tế - xã hội ở khu vực, quốc tế và nước nhận lao động của Việt Nam làm ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài.

- Mức thiệt hại về vốn, tài sản dưới 40%.

n) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện qui chế xử lý nợ bị rủi ro của NHCSXH;

- Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27/01/2011 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH;

- Quyết định số 07/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống NHCSXH;

- Công văn số 2748/NHCS-QLN ngày 08/11/2011 của Tổng Giám đốc “về việc ủy quyền gia hạn nợ”.

- Công văn số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp lý có liên quan,

I. Ngày.....tháng.....năm....., hộ gia đình chúng tôi gồm..... người⁽¹⁾, trong đó các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Pháp luật gồm:

STT	Họ tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước	Nơi cư trú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

II. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I của Giấy Ủy quyền này (gọi là Bên ủy quyền) thỏa thuận cử ông (bà):.....

STT⁽²⁾, năm sinh:....., số CMND/Thẻ căn cước:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:(gọi là Bên được ủy quyền) đại diện theo ủy quyền cho chúng tôi thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

III. Cam kết

1. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội trước sự chứng kiến của Trưởng thôn.

2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa chúng tôi với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Khi thay đổi người đại diện theo ủy quyền thì phải làm Giấy sửa đổi ủy quyền và được sự chấp thuận của Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

4. Chúng tôi công nhận đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp của mình; hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước

pháp luật về mọi cam kết do bên được ủy quyền nhân danh chúng tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

IV. Giấy ủy quyền này được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, 01 bản lưu hộ gia đình./.

STT	BÊN ỦY QUYỀN⁽³⁾		BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN⁽⁴⁾
	Họ và tên	Ký tên	(Ký, ghi rõ họ tên)
1	
2	
3	
4	
5	
...	

**CHỨNG KIẾN CỦA
TRƯỞNG THÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

-
- (29) Điền tổng số thành viên trong Hộ gia đình, gồm cả người chưa thành niên và thành niên.
- (30) Số thứ tự của người được ủy quyền đã được ghi tại mục I của Giấy ủy quyền.
- (31) Là các thành viên ghi tại mục I trừ thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.
- (32) Là thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ***Kính gửi:* Ngân hàng Chính sách xã hộiTên tôi là:^(a) sinh năm:.....

Nơi cư trú:

Là thành viên của Tổ vay vốn (dự án) do ông (bà)

..... làm Tổ trưởng (chủ dự án).

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng một việc như sau:

1. Gia đình (pháp nhân, tổ chức kinh tế) tôi có vay vốn chương trình

.....tại NHCSXH.....

theo Sổ vay vốn (HĐTD) số cấp ngày

Số tiền vay đồng; Thời điểm nhận tiền vay.....

Mã món vay; Thời gian vay tháng; Lãi suất/tháng

2. Trong thời gian vừa qua, do ảnh hưởng trực tiếp của ^(b)

..... nên đối tượng đầu tư của gia đình (pháp nhân, TCKT) tôi bị thiệt hại nặng nề về vốn và tài sản như sau:

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

.....)

- Tổng số vốn thực hiện dự ánđồng

- Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%

- Tổng số nợ còn phải trả Ngân hàng là đồng

(Trong đó: Nợ gốc: đồng, nợ lãi:đồng

3. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của Gia đình (pháp nhân, TCKT) sau khi gặp rủi ro: ^(c)

.....

..... Vậy
tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét xử lý số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của gia đình (pháp nhân, TCKT) tôi, cụ thể:

- Số tiền xin (gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ) làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng, nợ lãi:đồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn là đúng.

Ngày tháng năm

Khách hàng vay vốn

(Ký tên, hoặc điểm chỉ);

đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế)

Hướng dẫn mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người thừa kế làm đơn, sau năm sinh người thừa kế ghi rõ nội dung: Là người thừa kế của ông (bà)

(b) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro theo quy định tại Điều 5 Hướng dẫn nghiệp vụ xử lý nợ bị rủi ro.

(c) Trường hợp đã hết thời gian khoan nợ lần đầu, khi làm đơn đề nghị khoan nợ bổ sung ngoài việc ghi cụ thể tình hình kinh tế, khả năng trả nợ ghi thêm thông tin: Đã được khoan nợ lần I từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... Tương tự trường hợp hết thời gian khoan nợ (kể cả khoan nợ bổ sung) ghi cụ thể thông tin đã được khoan nợ bổ sung từ ngày .../.../... đến ngày .../.../.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản

(Chương trình

Hôm nay, ngày tháng năm, tại..... chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện.....
2. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện.....
3. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện.....
4. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện.....
5. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện.....
6. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện.....
7. Ông (bà)..... là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra đơn đề nghị xử lý và xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của ông (bà):

Địa chỉ là đại diện gia đình (pháp nhân, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH). Cụ thể như sau:

Nguyên nhân gây ra thiệt hại vốn và tài sản: ^(a)

II. Thời điểm xảy ra thiệt hại:

III. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hại đồng
(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án SXKD) đồng

3. Tổng số vốn vay Ngân hàng: đồng

4. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản ^(b)%

IV. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày rủi ro

Số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày rủi ro ^(c) đồng

Trong đó: + Nợ gốc đồng

+ Nợ lãi đồng

V. Tình hình tài chính và khả năng trả nợ của gia đình (pháp nhân, tổ chức kinh tế) sau khi bị thiệt hại

1. Đánh giá phương án khôi phục sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng ^(d)

2. Thu nhập bình quân đầu người: đồng/người/tháng.

3. Tài sản còn lại của khách hàng sau thiệt hại ^(d)

4. Khả năng trả nợ và tình trạng của người thừa kế ^(e)

5. Khả năng trả nợ của khách hàng sau khi đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán ^(g)

VI. Kiến nghị biện pháp xử lý nợ

Căn cứ vào tình hình thực tế của gia đình (pháp nhân, tổ chức kinh tế) và quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH chúng tôi thống nhất kiến nghị với NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét (gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ) cho ông (bà) số tiền đồng

Trong đó: + Nợ gốc đồng

+ Nợ lãi đồng

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây.

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điền chi, đóng dấu nếu là tổ chức kinh tế^(h))

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch UBND cấp xã
(Ký tên, đóng dấu, xác nhận⁽ⁱ⁾)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận uỷ thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện các cơ quan chuyên ngành
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Hướng dẫn mẫu số 02/XLN:

- (a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro tại Điều 5 hướng dẫn.
- (b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Điều 6 hướng dẫn.
- (c) Ghi số nợ còn phải trả Ngân hàng của từng chương trình.
- (d) Nhận xét về phương án khôi phục sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của tổ chức kinh tế. Đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, trong trường hợp khoan nợ bổ sung ngoài việc đánh giá khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian đã được khoan nợ lần 1.

Các chỉ tiêu từ điểm 3 đến điểm 5 mục V chỉ áp dụng đối với các đối tượng bị rủi ro do nguyên nhân khách quan theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 hướng dẫn và các khách hàng vay vốn bị rủi ro hết thời gian khoan nợ (kể cả trường hợp được khoan nợ bổ sung) vẫn không có khả năng trả nợ.

(đ) Ghi rõ tài sản còn lại của khách hàng sau khi thiệt hại.

(e) Ghi cụ thể tình trạng hiện tại và khả năng trả nợ của người thừa kế

(g) Đánh giá cụ thể khả năng trả nợ của khách hàng sau khi đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán. (Bao gồm: thu hồi nợ từ việc xử lý tài sản đảm bảo và tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán khác).

Trường hợp hết thời gian khoan nợ (kể cả trường hợp được khoan nợ bổ sung) đề nghị xóa nợ ngoài việc đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, biên bản cần ghi cụ thể nội dung: thời gian khoan nợ lần 1, lần 2.

(h) Trường hợp khách hàng chết; mất tích; mất năng lực hành vi dân sự; mắc bệnh tâm thần, phần chữ ký của đại diện khách hàng vay vốn ghi cụ thể dòng chữ: “Khách hàng vay vốn chết (hoặc mất tích/mất năng lực hành vi dân sự/tâm thần) không có người thừa kế”.

(i) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp cần thiết theo quy định tại Điều 8 hướng dẫn.

10. Thủ tục xử lý khoản nợ bị rủi ro tối đa 3 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình.

Bước 1.

- Các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thỏa thuận cử 01 (một) cá nhân trong số các thành viên này đại diện theo ủy quyền để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) đối với trường hợp hộ gia đình vay vốn NHCSXH chưa thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH;

- Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN) và các giấy tờ có liên quan gửi NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

- Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi;

- Phối hợp với khách hàng, UBND xã, Công an xã, Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án), Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, cơ quan chuyên ngành ... tiến hành thẩm tra, lập Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (mẫu số 02/XLN).

- Lập biểu tổng hợp đề nghị khoan nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh kiểm soát, tổng hợp các khoản đề nghị khoan nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra, lập biểu tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN): 02 bản chính;

- Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (mẫu số 02/XLN): 02 bản chính;

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ): 02 bản chính đối với gia đình vay vốn NHCSXH chưa thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH) hoặc 02 bản sao y bản chính đối với gia đình vay vốn NHCSXH đã thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH;

- Hoặc Giấy sửa đổi ủy quyền (mẫu số 02/UQ): 01 bản sao y bản chính đối với hộ gia đình vay vốn NHCSXH đã thực hiện thủ tục lập Giấy sửa đổi ủy quyền khi thay đổi người đại diện theo ủy quyền của hộ gia đình vay vốn NHCSXH;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng tín dụng, Sổ vay vốn hoặc các loại giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản (sao y bản chính).

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: Không quy định thời gian cụ thể.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

h) Cơ quan phối hợp: UBND xã, Công an xã, Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án), Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, cơ quan chuyên ngành ...

i) Kết quả thực hiện thủ tục: Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH.

k) Mức phí, lệ phí: Không.

l) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN);

- Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (mẫu số 02/XLN).

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;

- Khách hàng gặp thiên tai và tác động do biến đổi khí hậu gây thiệt hại đến vốn và tài sản của khách hàng gồm: bão, lũ lụt, hạn hán, động đất, sạt lở đất, rét đậm rét hại, cháy rừng, dịch họa, hỏa hoạn;

- Dịch bệnh liên quan đến gia súc, gia cầm, thủy hải sản, động vật nuôi khác và cây trồng;

- Nhà nước điều chỉnh chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Do biến động chính trị, kinh tế - xã hội ở khu vực, quốc tế và nước nhận lao động của Việt Nam làm ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;

- Mức thiệt hại về vốn, tài sản từ 40% đến dưới 80%.

n) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện qui chế xử lý nợ bị rủi ro của NHCSXH;

- Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27/01/2011 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH;

- Quyết định số 07/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống NHCSXH.

- Công văn số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2016

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp lý có liên quan,

I. Ngày.....tháng.....năm....., hộ gia đình chúng tôi gồm..... người⁽¹⁾, trong đó các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Pháp luật gồm:

STT	Họ tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước	Nơi cư trú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

II. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I của Giấy Ủy quyền này (gọi là Bên ủy quyền) thỏa thuận cử ông (bà):.....

STT⁽²⁾....., năm sinh:....., số CMND/Thẻ căn cước:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:(gọi là Bên được ủy quyền) đại diện theo ủy quyền cho chúng tôi thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

III. Cam kết

1. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội trước sự chứng kiến của Trưởng thôn.

2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa chúng tôi với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Khi thay đổi người đại diện theo ủy quyền thì phải làm Giấy sửa đổi ủy quyền và được sự chấp thuận của Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

4. Chúng tôi công nhận đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp của mình; hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước

pháp luật về mọi cam kết do bên được ủy quyền nhân danh chúng tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

IV. Giấy ủy quyền này được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, 01 bản lưu hộ gia đình./.

<i>STT</i>	BÊN ỦY QUYỀN⁽³⁾		BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN⁽⁴⁾
	<i>Họ và tên</i>	<i>Ký tên</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>
1	
2	
3	
4	
5	
...	

**CHỨNG KIẾN CỦA
TRƯỞNG THÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

-
- (33) Điền tổng số thành viên trong Hộ gia đình, gồm cả người chưa thành niên và thành niên.
- (34) Số thứ tự của người được ủy quyền đã được ghi tại mục I của Giấy ủy quyền.
- (35) Là các thành viên ghi tại mục I trừ thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.
- (36) Là thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a) sinh năm:.....

Nơi cư trú:

Là thành viên của Tổ vay vốn (dự án) do ông (bà) làm Tổ trưởng (chủ dự án).

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng một việc như sau:

1. Gia đình (pháp nhân, tổ chức kinh tế) tôi có vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

theo Sổ vay vốn (HĐTĐ) số cấp ngày

Số tiền vay đồng; Thời điểm nhận tiền vay.....

Mã món vay; Thời gian vay tháng; Lãi suất/tháng

2. Trong thời gian vừa qua, do ảnh hưởng trực tiếp của ^(b) nên đối tượng đầu tư của gia đình (pháp nhân, TCKT) tôi bị thiệt hại nặng nề về vốn và tài sản như sau:

- Số vốn và tài sản bị thiệt hại đồng

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):)

- Tổng số vốn thực hiện dự án đồng

- Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%

- Tổng số nợ còn phải trả Ngân hàng là đồng

(Trong đó: Nợ gốc: đồng, nợ lãi: đồng)

3. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của Gia đình (pháp nhân, TCKT) sau khi gặp rủi ro: ^(c)

..... Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét xử lý số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của gia đình (pháp nhân, TCKT) tôi, cụ thể:

- Số tiền xin (gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ) là đồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng, nợ lãi: đồng)

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn là đúng.

Ngày tháng năm

Khách hàng vay vốn

(Ký tên, hoặc điểm chỉ);

đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế)

Hướng dẫn mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người thừa kế làm đơn, sau năm sinh người thừa kế ghi rõ nội dung: Là người thừa kế của ông (bà)

(b) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro theo quy định tại Điều 5 Hướng dẫn nghiệp vụ xử lý nợ bị rủi ro.

(c) Trường hợp đã hết thời gian khoan nợ lần đầu, khi làm đơn đề nghị khoan nợ bổ sung ngoài việc ghi cụ thể tình hình kinh tế, khả năng trả nợ ghi thêm thông tin: Đã được khoan nợ lần I từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... Tương tự trường hợp hết thời gian khoan nợ (kể cả khoan nợ bổ sung) ghi cụ thể thông tin đã được khoan nợ bổ sung từ ngày .../.../... đến ngày .../.../.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng năm, tại..... chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện.....
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện.....
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện.....
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện.....
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện.....
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện.....
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra đơn đề nghị xử lý và xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của ông (bà):

Địa chỉlà đại diện gia đình (pháp nhân, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH). Cụ thể như sau:

Nguyên nhân gây ra thiệt hại vốn và tài sản: ^(a)

II. Thời điểm xảy ra thiệt hại:

III. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hại đồng
(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

.....)

2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án SXKD) đồng

3. Tổng số vốn vay Ngân hàng: đồng

4. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản ^(b)%

IV. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày rủi ro

Số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày rủi ro ^(c) đồng

Trong đó: + Nợ gốc đồng

+ Nợ lãi đồng

V. Tình hình tài chính và khả năng trả nợ của gia đình (pháp nhân, tổ chức kinh tế) sau khi bị thiệt hại

1. Đánh giá phương án khôi phục sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng ^(d)

.....

2. Thu nhập bình quân đầu người:đồng/người/tháng.

3. Tài sản còn lại của khách hàng sau thiệt hại ^(d)

.....

4. Khả năng trả nợ và tình trạng của người thừa kế ^(e)

.....

5. Khả năng trả nợ của khách hàng sau khi đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán ^(g)

VI. Kiến nghị biện pháp xử lý nợ

Căn cứ vào tình hình thực tế của gia đình (pháp nhân, tổ chức kinh tế) và quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH chúng tôi thống nhất kiến nghị với NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét (gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ) cho ông (bà) số tiền đồng

Trong đó: + Nợ gốc đồng

+ Nợ lãi đồng

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây.

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ, đóng dấu nếu là tổ chức kinh tế^(h))

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch UBND cấp xã
(Ký tên, đóng dấu, xác nhận⁽ⁱ⁾)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận uỷ thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện các cơ quan chuyên ngành
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Hướng dẫn mẫu số 02/XLN:

- (a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro tại Điều 5 hướng dẫn.
- (b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Điều 6 hướng dẫn.
- (c) Ghi số nợ còn phải trả Ngân hàng của từng chương trình.
- (d) Nhận xét về phương án khôi phục sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của tổ chức kinh tế. Đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, trong trường hợp khoan nợ bổ sung ngoài việc đánh giá khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian đã được khoan nợ lần 1.

Các chỉ tiêu từ điểm 3 đến điểm 5 mục V chỉ áp dụng đối với các đối tượng bị rủi ro do nguyên nhân khách quan theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 hướng dẫn và các khách hàng vay vốn bị rủi ro hết thời gian khoan nợ (kể cả trường hợp được khoan nợ bổ sung) vẫn không có khả năng trả nợ.

(đ) Ghi rõ tài sản còn lại của khách hàng sau khi thiệt hại.

(e) Ghi cụ thể tình trạng hiện tại và khả năng trả nợ của người thừa kế

(g) Đánh giá cụ thể khả năng trả nợ của khách hàng sau khi đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán. (Bao gồm: thu hồi nợ từ việc xử lý tài sản đảm bảo và tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán khác).

Trường hợp hết thời gian khoan nợ (kể cả trường hợp được khoan nợ bổ sung) đề nghị xóa nợ ngoài việc đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, biên bản cần ghi cụ thể nội dung: thời gian khoan nợ lần 1, lần 2.

(h) Trường hợp khách hàng chết; mất tích; mất năng lực hành vi dân sự; mắc bệnh tâm thần, phần chữ ký của đại diện khách hàng vay vốn ghi cụ thể dòng chữ: “Khách hàng vay vốn chết (hoặc mất tích/mất năng lực hành vi dân sự/tâm thần) không có người thừa kế”.

(i) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp cần thiết theo quy định tại Điều 8 hướng dẫn.

11. Thủ tục xử lý khoản nợ bị rủi ro tối đa 5 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1.

- Các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thỏa thuận cử 01 (một) cá nhân trong số các thành viên này đại diện theo ủy quyền để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) đối với trường hợp hộ gia đình vay vốn NHCSXH chưa thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH;

- Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN) và các giấy tờ có liên quan gửi NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

- Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi;

- Phối hợp với khách hàng, UBND xã, Công an xã, Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án), Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, cơ quan chuyên ngành ... tiến hành thẩm tra, lập Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (mẫu số 02/XLN).

- Lập biểu tổng hợp đề nghị khoan nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh kiểm soát, tổng hợp các khoản đề nghị khoan nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra, lập biểu tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN): 02 bản chính;

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ): 02 bản chính đối với gia đình vay vốn NHCSXH chưa thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH) hoặc 02 bản sao y bản chính đối với gia đình vay vốn NHCSXH đã thực hiện thủ tục lập Giấy ủy quyền khi vay vốn NHCSXH;

- Hoặc Giấy sửa đổi ủy quyền (mẫu số 02/UQ): 01 bản sao y bản chính đối với hộ gia đình vay vốn NHCSXH đã thực hiện thủ tục lập Giấy sửa đổi ủy quyền khi thay đổi người đại diện theo ủy quyền của hộ gia đình vay vốn NHCSXH;

- Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (mẫu số 02/XLN): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng tín dụng, Sổ vay vốn hoặc các loại giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản (sao y bản chính).

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: Không quy định thời gian cụ thể.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình

g) Cơ quan thực hiện thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

h) Cơ quan phối hợp: UBND xã, Công an xã, Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án), Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, cơ quan chuyên ngành ...

i) Kết quả thực hiện thủ tục: Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH.

k) Mức phí, lệ phí: Không.

l) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN);

- Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (mẫu số 02/XLN).

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;

- Khách hàng gặp thiên tai và tác động do biến đổi khí hậu gây thiệt hại đến vốn và tài sản của khách hàng gồm: bão, lũ lụt, hạn hán, động đất, sạt lở đất, rét đậm rét hại, cháy rừng, dịch họa, hỏa hoạn;

- Do dịch bệnh liên quan đến gia súc, gia cầm, thủy hải sản, động vật nuôi khác và cây trồng;

- Nhà nước điều chỉnh chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Do biến động chính trị, kinh tế - xã hội ở khu vực, quốc tế và nước nhận lao động của Việt Nam làm ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài.

- Mức thiệt hại về vốn, tài sản từ 80% đến 100%

n) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện qui chế xử lý nợ bị rủi ro của NHCSXH;

- Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27/01/2011 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH;

- Quyết định số 07/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống NHCSXH.

- Công văn số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp lý có liên quan,

I. Ngày.....tháng.....năm....., hộ gia đình chúng tôi gồm..... người⁽¹⁾, trong đó các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Pháp luật gồm:

STT	Họ tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước	Nơi cư trú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

II. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I của Giấy Ủy quyền này (gọi là Bên ủy quyền) thỏa thuận cử ông (bà):.....

STT⁽²⁾....., năm sinh:....., số CMND/Thẻ căn cước:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:(gọi là Bên được ủy quyền) đại diện theo ủy quyền cho chúng tôi thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

III. Cam kết

1. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội trước sự chứng kiến của Trưởng thôn.

2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa chúng tôi với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Khi thay đổi người đại diện theo ủy quyền thì phải làm Giấy sửa đổi ủy quyền và được sự chấp thuận của Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

4. Chúng tôi công nhận đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp của mình; hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước

pháp luật về mọi cam kết do bên được ủy quyền nhân danh chúng tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

IV. Giấy ủy quyền này được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, 01 bản lưu hộ gia đình./.

<i>STT</i>	BÊN ỦY QUYỀN⁽³⁾		BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN⁽⁴⁾
	<i>Họ và tên</i>	<i>Ký tên</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>
<i>1</i>	
<i>2</i>	
<i>3</i>	
<i>4</i>	
<i>5</i>	
...	

**CHỨNG KIẾN CỦA
TRƯỞNG THÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

(37) Điền tổng số thành viên trong Hộ gia đình, gồm cả người chưa thành niên và thành niên.

(38) Số thứ tự của người được ủy quyền đã được ghi tại mục I của Giấy ủy quyền.

(39) Là các thành viên ghi tại mục I trừ thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.

(40) Là thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a) sinh năm:.....

Nơi cư trú:

Là thành viên của Tổ vay vốn (dự án) do ông (bà) làm Tổ trưởng (chủ dự án).

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng một việc như sau:

1. Gia đình (pháp nhân, tổ chức kinh tế) tôi có vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

theo Sổ vay vốn (HĐTD) số cấp ngày

Số tiền vay đồng; Thời điểm nhận tiền vay.....

Mã món vay; Thời gian vay tháng; Lãi suất/tháng

2. Trong thời gian vừa qua, do ảnh hưởng trực tiếp của ^(b) nên đối tượng đầu tư của gia đình (pháp nhân, TCKT) tôi bị thiệt hại nặng nề về vốn và tài sản như sau:

- Số vốn và tài sản bị thiệt hại đồng

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):)

- Tổng số vốn thực hiện dự án đồng

- Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%

- Tổng số nợ còn phải trả Ngân hàng là đồng

(Trong đó: Nợ gốc: đồng, nợ lãi: đồng)

3. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của Gia đình (pháp nhân, TCKT) sau khi gặp rủi ro: ^(c)

..... Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét xử lý số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của gia đình (pháp nhân, TCKT) tôi, cụ thể:

- Số tiền xin (gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ) là đồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng, nợ lãi: đồng)

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn là đúng.

Ngày tháng năm

Khách hàng vay vốn

(Ký tên, hoặc điểm chỉ);

đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế)

Hướng dẫn mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người thừa kế làm đơn, sau năm sinh người thừa kế ghi rõ nội dung: Là người thừa kế của ông (bà)

(b) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro theo quy định tại Điều 5 Hướng dẫn nghiệp vụ xử lý nợ bị rủi ro.

(c) Trường hợp đã hết thời gian khoan nợ lần đầu, khi làm đơn đề nghị khoan nợ bổ sung ngoài việc ghi cụ thể tình hình kinh tế, khả năng trả nợ ghi thêm thông tin: Đã được khoan nợ lần I từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... Tương tự trường hợp hết thời gian khoan nợ (kể cả khoan nợ bổ sung) ghi cụ thể thông tin đã được khoan nợ bổ sung từ ngày .../.../... đến ngày .../.../.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản
(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng năm, tại..... chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện.....
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện.....
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện.....
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện.....
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện.....
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện.....
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra đơn đề nghị xử lý và xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của ông (bà):

Địa chỉlà đại diện gia đình (pháp nhân, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH). Cụ thể như sau:

Nguyên nhân gây ra thiệt hại vốn và tài sản: ^(a)

II. Thời điểm xảy ra thiệt hại:

III. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng
(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án SXKD)đồng

3. Tổng số vốn vay Ngân hàng:đồng

4. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản ^(b)%

IV. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày rủi ro

Số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày rủi ro ^(c) đồng

Trong đó: + Nợ gốc đồng

+ Nợ lãi đồng

V. Tình hình tài chính và khả năng trả nợ của gia đình (pháp nhân, tổ chức kinh tế) sau khi bị thiệt hại

1. Đánh giá phương án khôi phục sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng ^(d)

2. Thu nhập bình quân đầu người:đồng/người/tháng.

3. Tài sản còn lại của khách hàng sau thiệt hại ^(d)

4. Khả năng trả nợ và tình trạng của người thừa kế ^(e)

5. Khả năng trả nợ của khách hàng sau khi đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán ^(g)

VI. Kiến nghị biện pháp xử lý nợ

Căn cứ vào tình hình thực tế của gia đình (pháp nhân, tổ chức kinh tế) và quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH chúng tôi thống nhất kiến nghị với NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét (gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ) cho ông (bà) số tiền đồng

Trong đó: + Nợ gốc đồng

+ Nợ lãi đồng

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây.

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ, đóng dấu nếu là tổ chức kinh tế^(h))

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch UBND cấp xã
(Ký tên, đóng dấu, xác nhận⁽ⁱ⁾)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận uỷ thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện các cơ quan chuyên ngành
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Hướng dẫn mẫu số 02/XLN:

- (a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro tại Điều 5 hướng dẫn.
- (b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Điều 6 hướng dẫn.
- (c) Ghi số nợ còn phải trả Ngân hàng của từng chương trình.
- (d) Nhận xét về phương án khôi phục sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của tổ chức kinh tế. Đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, trong trường hợp khoan nợ bổ sung ngoài việc đánh giá khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian đã được khoan nợ lần 1.

Các chỉ tiêu từ điểm 3 đến điểm 5 mục V chỉ áp dụng đối với các đối tượng bị rủi ro do nguyên nhân khách quan theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 hướng dẫn và các khách hàng vay vốn bị rủi ro hết thời gian khoan nợ (kể cả trường hợp được khoan nợ bổ sung) vẫn không có khả năng trả nợ.

(đ) Ghi rõ tài sản còn lại của khách hàng sau khi thiệt hại.

(e) Ghi cụ thể tình trạng hiện tại và khả năng trả nợ của người thừa kế

(g) Đánh giá cụ thể khả năng trả nợ của khách hàng sau khi đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán. (Bao gồm: thu hồi nợ từ việc xử lý tài sản đảm bảo và tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán khác).

Trường hợp hết thời gian khoan nợ (kể cả trường hợp được khoan nợ bổ sung) đề nghị xóa nợ ngoài việc đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, biên bản cần ghi cụ thể nội dung: thời gian khoan nợ lần 1, lần 2.

(h) Trường hợp khách hàng chết; mất tích; mất năng lực hành vi dân sự; mắc bệnh tâm thần, phần chữ ký của đại diện khách hàng vay vốn ghi cụ thể dòng chữ: “Khách hàng vay vốn chết (hoặc mất tích/mất năng lực hành vi dân sự/tâm thần) không có người thừa kế”.

(i) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp cần thiết theo quy định tại Điều 8 hướng dẫn.

II. Nội dung Mẫu đơn, tờ khai của 49 thủ tục giải quyết công việc giải quyết công việc sửa đổi bổ sung tại mục II phần A:

1. Giấy ủy quyền (Mẫu số 01/UQ)

Mẫu số 01/UQ
Lập 02 bản:
01 bản lưu NH
01 bản lưu hộ gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp lý có liên quan,

I. Ngày.....tháng.....năm....., hộ gia đình chúng tôi gồm..... người⁽¹⁾, trong đó các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Pháp luật gồm:

STT	Họ tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước	Nơi cư trú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

II. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I của Giấy Ủy quyền này (gọi là Bên ủy quyền) thỏa thuận cử ông (bà):.....

STT⁽²⁾....., năm sinh:....., số CMND/Thẻ căn cước:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:(gọi là Bên được ủy quyền) đại diện theo ủy quyền cho chúng tôi thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

III. Cam kết

1. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội trước sự chứng kiến của Trưởng thôn.

2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa chúng tôi với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Khi thay đổi người đại diện theo ủy quyền thì phải làm Giấy sửa đổi ủy quyền và được sự chấp thuận của Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

4. Chúng tôi công nhận đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp của mình; hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết do bên được ủy quyền nhân danh chúng tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

IV. Giấy ủy quyền này được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, 01 bản lưu hộ gia đình./.

STT	BÊN ỦY QUYỀN⁽³⁾		BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN⁽⁴⁾
	Họ và tên	Ký tên	(Ký, ghi rõ họ tên)
1	
2	
3	
4	
5	
...	

**CHỨNG KIẾN CỦA
TRƯỞNG THÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

(41) Điền tổng số thành viên trong Hộ gia đình, gồm cả người chưa thành niên và thành niên.

(42) Số thứ tự của người được ủy quyền đã được ghi tại mục I của Giấy ủy quyền.

(43) Là các thành viên ghi tại mục I trừ thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.

(44) Là thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.

2. Sổ vay vốn:

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ VAY VỐN

1. Mỗi lần giao dịch với Ngân hàng, người vay mang Sổ đến Điểm giao dịch Ngân hàng tại xã hoặc trụ sở Ngân hàng nơi quản lý dư nợ.
2. Mỗi lần giao dịch, người vay và Ngân hàng đối chiếu số liệu khớp đúng giữa Sổ vay vốn của người vay và Sổ lưu tại Ngân hàng.
3. Người vay phải lưu giữ, bảo quản Sổ vay vốn làm cơ sở để theo dõi nợ vay, trả nợ và thực hiện các giao dịch khác với NHCSXH. Khi hết số trang trên Sổ hoặc Sổ bị thất lạc phải thông báo ngay cho Ngân hàng nơi quản lý dư nợ xem xét cấp Sổ vay vốn mới.

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
VIETNAM BANK FOR SOCIAL POLICIES

VBSPP



SỔ VAY VỐN

Mã khách hàng:.....

Họ và tên người vay:.....
Địa chỉ nơi cư trú:.....
.....
Ngân hàng nơi giao dịch:
.....

NGƯỜI VAY TRẢ NỢ GÓC TRỰC TIẾP CHO NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH
XÃ HỘI TẠI ĐIỂM GIAO DỊCH HOẶC TRỤ SỞ NHCSXH NƠI CHO VAY

THEO DÕI CHO VAY -

Ngày tháng	Diễn giải	Số tiền	Lãi suất (%/tháng)	Hạn trả nợ cuối cùng
1	2	3	4	5

PHẦN CHI BỔ SUNG HÀNG NĂM KHI CÓ THAY ĐỔI

1. Thay đổi ngành nghề, mở rộng sản xuất, dịch vụ đời sống

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Những thay đổi khác (nếu có)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Handwritten signature

SỔ VAY VỐN

(Ngân hàng lưu giữ)

Mã KH:.....

- b. Giải đáp các thắc mắc về nghiệp vụ cho vay khi người vay yêu cầu.
- c. Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của người vay

3.1. Người vay có quyền:

- a. Yêu cầu NHCSXH thực hiện đúng các quy định cho vay và những thỏa thuận đã ghi trong Sổ vay vốn.
- b. Trả nợ trước hạn mà không bị phạt phí.
- c. Khiếu nại nếu NHCSXH vi phạm quy định cho vay và những thỏa thuận đã được ghi trong Sổ vay vốn.

3.2. Người vay có nghĩa vụ:

- a. Chấp hành đúng các quy định cho vay của NHCSXH và những thỏa thuận đã được ghi trong Sổ vay vốn.
- b. Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.
- c. Sử dụng tiền vay đúng mục đích; trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng hạn.
- d. Thực hiện trả nợ gốc trực tiếp cho NHCSXH tại Điểm giao dịch xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay.
- đ. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng các quy định cho vay của NHCSXH và những thỏa thuận đã được ghi trong Sổ vay vốn.
- e. Chịu sự kiểm tra, giám sát của NHCSXH, đơn vị nhận ủy thác và Chính quyền địa phương.

1. Họ và tên người vay:.....
Dân tộc:..... Giới tính:.....
Sinh ngày.....tháng.....năm:.....
CMND/Thẻ căn cước số:.....
Ngày cấp: / /; Nơi cấp:.....
Nơi cư trú: thôn (ấp)....., xã (phường, T.trần).....
.....huyện (quận).....tỉnh (T.phố).....
Theo Giấy ủy quyền lập ngày/...../.....

2. Số nhân khẩu trong hộ:..... người; trong đó, số lao động:.....người.

NGƯỜI VAY VỐN
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điền chữ)

TRƯỞNG PHÒNG (TỔ TRƯỞNG)
TÍN DỤNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG
(Ký tên, đóng dấu)

PHẦN GHI BỔ SUNG HÀNG NĂM KHI CÓ THAY ĐỔI

1. Thay đổi ngành nghề, mở rộng sản xuất, dịch vụ đời sống

2. Những thay đổi khác (nếu có)

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

1. Số vay vốn là một dạng Hợp đồng tín dụng/giấy nhận nợ của người vay với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH).

2. Quyền và nghĩa vụ của NHCSXH

2.1. *Quyền của NHCSXH:*

a. Yêu cầu người vay thực hiện đúng các quy định cho vay của NHCSXH và những thỏa thuận đã ghi trong Sổ vay vốn.

b. Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của người vay theo định kỳ hoặc đột xuất.

c. Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn hoặc áp dụng các chế tài khác khi phát hiện người vay cung cấp thông tin sai sự thật, sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc các vi phạm khác theo quy định.

d. Gia hạn nợ theo quy định của NHCSXH khi người vay gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan.

đ. Chuyển nợ quá hạn đối với các khoản vay: sử dụng vốn sai mục đích, các khoản vay đến hạn trả nợ cuối cùng đã hết thời gian gia hạn nợ hoặc không được NHCSXH gia hạn nợ.

e. Khi đến hạn trả nợ cuối cùng mà người vay không trả được nợ thì NHCSXH yêu cầu tất cả các thành viên hoặc có thể yêu cầu bất kỳ thành viên nào có tên trên Giấy Ủy quyền hoặc Giấy sửa đổi ủy quyền sử dụng tài sản của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với tất cả các món vay của người vay tại NHCSXH.

g. Khởi kiện người vay trước Pháp luật theo quy định.

2.2. *Nghĩa vụ của NHCSXH:*

a. Thực hiện đúng các quy định cho vay của NHCSXH và những thỏa thuận đã ghi trong Sổ vay vốn.